TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 9 - 2022
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà*:* Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QDST ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn A, sinh năm 1985; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Cao Thị Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/5/2014, địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ph, T:

- Anh Nguyễn A; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – là cha cháu Ph, T – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Cao Thị Q; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – là mẹ cháu Ph, T – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn A trình bày: Anh Nguyễn A và chị Cao Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Quá trình

chung sống xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng và không còn quan tâm đến nhau; hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 và không còn chung sống với nhau. Hiện nay, anh A không còn tình cảm với chị Q, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh A làm đơn yêu cầu Tòa án huyện T, tỉnh Đăk Nông giải quyết ly với chị Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/5/2014, hiện nay 02 cháu đang chung sống với anh A, chị Q vẫn thỉnh thoảng về nhà thăm các con. Nguyện vọng của anh A là được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ph, T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Anh A hiện nay đang làm nông với mức thu nhập khoản 6.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi 02 cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Cao Thị Q: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Q đến trụ sở Toà án để giải quyết ly hôn với anh A nhưng chị Q vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Đ xác định: "*Chị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon B, xã Đ, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương*". Chị Q vắng mặt tại địa phương nên Tòa án và chính quyền địa phương không thể tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Q được. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Q theo quy định. Tuy nhiên, chị Q không có ý kiến và không cũng đến Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn A.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn A ly hôn với chị Cao Thị Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/5/2014 cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Anh A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002214 ngày 07/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Cao Thị Q và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị Q đăng ký thường trú tại Bon B, xã Đ, huyện T đây là tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: "*Chị Q chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương";* Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Q theo thủ tục chung nhưng chị không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 31/8/2022 và phiên tòa hôm nay, chị Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của anh A với chị Q; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 30/8/2010, anh Nguyễn A và chị Cao Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị Q là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Anh A cho rằng, quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tôn trọng nhau, anh A và chị Q đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay; quá trình giải quyết vụ án,

anh A xác định không còn tình cảm với chị Q. Đối với chị Q, khi anh A nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị Q cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, chị Q vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa anh A và chị Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh A với chị Q là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về con chung: Anh A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/5/2014. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ,chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."*. Do chị Q vắng mặt nên không thỏa thuận được với anh A về người trực tiếp nuôi con chung; hiện tại, cháu Ph, T đang sống chung với anh A. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Ph, T cho anh A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, chị Q có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Anh A không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002214 ngày 07/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn A.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn A ly hôn với chị Cao Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/5/2014 cho anh Nguyễn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Chị Cao Thị Q có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, chị Q có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002214 ngày 07/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phan Quang Trung